

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC
FAC AUDITING CO., LTD

Website: www.kiemtoanfac.vn

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Thông tin chung	1 - 2
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán	6 - 7
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
7. Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 30



THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường (gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Công ty TNHH Một Thành viên Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường, một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa và chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1100583607 điều chỉnh lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 01 tháng 6 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất cung cấp nước sạch, quản lý thoát nước, sản xuất và kinh doanh nước uống đóng chai, thi công công trình giao thông, tư vấn thiết kế, chăm sóc công viên cây xanh, duy tu bảo dưỡng đường đô thị, vệ sinh môi trường và công trình đô thị.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại sàn giao dịch UPCOM từ ngày 12 tháng 12 năm 2024 với mã chứng khoán là KWA.

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ : số 119 đường Bạch Đằng, Khu phố 2, Phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Mã số thuế : 1100583607

Ngoài ra, Công ty có ba (03) chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại tỉnh Long An, cụ thể như sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường - Trung tâm Tư vấn Xây dựng Kiến Tường	số 119 đường Bạch Đằng, Khu phố 2, Phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường - Xí nghiệp Công trình Giao thông	số 119 đường Bạch Đằng, Khu phố 2, Phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường - Trung tâm Đấu giá Kiến Tường	số 119 đường Bạch Đằng, Khu phố 2, Phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Chung Văn Minh	Chủ tịch
Bà Phan Thị Diệu Hiền	Thành viên
Bà Nguyễn Vũ Duy Hạnh	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Nhã	Thành viên
Ông Lê Ngọc Châu	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Ngô Kim Thanh Lan Trinh	Trưởng ban
Bà Tăng Thị Thu Nhân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Diệu Hồng	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phan Thị Diệu Hiền	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Vũ Duy Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Hữu Nhã	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Chung Văn Minh.

Bà Phan Thị Diệu Hiền được Ông Chung Văn Minh ủy quyền ký Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy Ủy quyền số 110/UQ.CT ngày 16 tháng 6 năm 2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phan Thị Diệu Hiền

Tổng Giám đốc

Long An, ngày 19 tháng 3 năm 2025



Số: 063/2024/BCTC-FAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 19 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước-tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 28 phần thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả các điều chỉnh liên quan đến việc trình bày lại báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo biên bản của Kiểm toán Nhà nước. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 17 tháng 4 năm 2024.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC



Đỗ Hoàng Chương - Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 2662-2023-099-1

Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 19 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Hữu Thắng - Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 2818-2025-099-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		44.526.968.581	41.412.544.960
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	12.099.151.648	20.547.414.216
1 Tiền	111		7.949.766.055	11.442.076.106
2 Các khoản tương đương tiền	112		4.149.385.593	9.105.338.110
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.253.959.554	19.331.498.782
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	25.751.080.076	18.290.028.216
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	499.712.000
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	6	502.879.478	541.758.566
III. Hàng tồn kho	140	7	6.144.763.260	1.519.982.717
1 Hàng tồn kho	141		6.144.763.260	1.519.982.717
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		29.094.119	13.649.245
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	15.444.874	-
2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	13.649.245	13.649.245
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55.870.296.000	48.738.703.944
I. Tài sản cố định	220		54.387.866.937	46.245.444.786
1 Tài sản cố định hữu hình	221	8	54.281.236.759	46.119.902.104
- Nguyên giá	222		102.723.424.668	90.394.003.602
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.442.187.909)	(44.274.101.498)
2 Tài sản cố định vô hình	227	9	106.630.178	125.542.682
- Nguyên giá	228		294.700.000	294.700.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(188.069.822)	(169.157.318)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	130.796.887
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	130.796.887
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.482.429.063	2.362.462.271
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.482.429.063	2.362.462.271
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		100.397.264.581	90.151.248.904

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		28.315.112.166	29.390.970.587
I. Nợ ngắn hạn	310		25.501.161.880	26.486.684.223
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	13.571.618.432	13.135.421.298
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	2.697.249.450	3.652.939.004
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.742.021.912	2.472.642.702
4 Phải trả người lao động	314		5.272.315.920	3.175.727.920
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	1.112.255.415	3.186.277.324
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	15	514.861.111	647.663.028
7 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	16	562.270.834	-
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	28.568.806	216.012.947
II. Nợ dài hạn	330		2.813.950.286	2.904.286.364
1 Phải trả dài hạn khác	337	15	2.813.950.286	2.904.286.364
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		72.082.152.415	60.760.278.317
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	72.082.152.415	60.760.278.317
1 Vốn cổ phần	411	18.2	38.000.000.000	38.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		38.000.000.000	38.000.000.000
2 Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.895.977.000	-
3 Quỹ đầu tư phát triển	418		18.156.684.923	16.160.946.064
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.029.490.492	6.599.332.253
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		7.029.490.492	6.599.332.253
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		100.397.264.581	90.151.248.904


 Nguyễn Vũ Văn Anh
 Kế toán trưởng - Người lập biểu

Long An, ngày 19 tháng 3 năm 2025



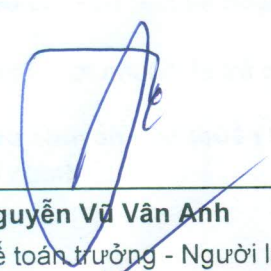

 Phan Thị Diệu Hiền
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	80.580.646.658	70.622.349.566
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	80.580.646.658	70.622.349.566
4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	20	64.146.860.337	53.695.116.354
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.433.786.321	16.927.233.212
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	176.925.055	443.404.081
7 Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	25		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	4.082.887.571	3.988.655.941
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.527.823.805	13.381.981.352
11 Thu nhập khác	31		-	369.282.554
12 Chi phí khác	32		43.564.749	2.655.046
13 Lợi nhuận khác	40	23	(43.564.749)	366.627.508
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.484.259.056	13.748.608.860
15 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25.1	2.505.564.761	2.749.721.772
16 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	60		9.978.694.295	10.998.887.088
17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	2.101	2.316
18 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	2.101	2.316


Nguyễn Vũ Văn Anh
 Kế toán trưởng - Người lập biểu

Long An, ngày 19 tháng 3 năm 2025





Phan Thị Diệu Hiền
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		12.484.259.056	13.748.608.860
2 Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	8 ; 9	4.186.998.915	4.143.894.058
- Các khoản dự phòng	03	16	562.270.834	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(176.925.055)	(443.404.081)
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.056.603.750	17.449.098.837
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(6.922.460.772)	1.929.363.824
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(4.624.780.543)	1.841.218.384
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		(1.910.019.055)	5.317.253.757
- Giảm chi phí trả trước	12		864.588.334	667.282.592
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	13	(2.489.330.820)	(2.477.682.489)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	17	(2.183.183.000)	(3.509.739.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(208.582.106)	21.216.795.505
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.859.547.179)	(4.964.443.565)
2 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		176.925.055	443.404.081
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.682.622.124)	(4.521.039.484)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	18.3	(5.557.058.338)	(5.551.491.402)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.557.058.338)	(5.551.491.402)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(8.448.262.568)	11.144.264.619
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	20.547.414.216	9.403.149.597
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	12.099.151.648	20.547.414.216



Nguyễn Vũ Văn Anh
 Kế toán trưởng - Người lập biểu
 Long An, ngày 19 tháng 3 năm 2025



Phan Thị Diệu Hiền
 Tổng Giám đốc

N:03
 CÔ
 KI
 12-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường (gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Công ty TNHH Một Thành viên Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường, một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa và chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1100583607 điều chỉnh lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 01 tháng 6 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất cung cấp nước sạch, quản lý thoát nước, sản xuất và kinh doanh nước uống đóng chai, thi công công trình giao thông, tư vấn thiết kế, chăm sóc công viên cây xanh, duy tu bảo dưỡng đường đô thị, vệ sinh môi trường và công trình đô thị.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại sàn giao dịch UPCOM từ ngày 12 tháng 12 năm 2024 với mã chứng khoán là KWA.

Công ty có trụ sở chính tại số 119 đường Bạch Đằng, Khu phố 2, Phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Ngoài ra, Công ty có ba (03) chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại tỉnh Long An, cụ thể như sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường - Trung tâm Tư vấn Xây dựng Kiến Tường	số 119 đường Bạch Đằng, Khu phố 2, Phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường - Xí nghiệp Công trình Giao thông	số 119 đường Bạch Đằng, Khu phố 2, Phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường - Trung tâm Đấu giá Kiến Tường	số 119 đường Bạch Đằng, Khu phố 2, Phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 111 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 118 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
hóa

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí
doanh dở dang sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.7. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

- Nhà cửa và vật kiến trúc 05 - 25 năm
- Máy móc và thiết bị 05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải 03 - 30 năm
- Thiết bị quản lý 05 năm
- Phần mềm máy tính 08 năm

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ được phân bổ dần không quá 03 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ với thời hạn 10 năm.

3.9. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10. Vốn cổ phần**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

3.11. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các Quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

• Quỹ Đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

• Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.12. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán dựa vào khối lượng công việc hoàn thành thực tế được nghiệm thu.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Doanh thu phân phối và kinh doanh nước sạch

Doanh thu cung cấp nước được xác định và tính toán dựa trên biểu giá tiền nước được quy định bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Long An và khối lượng nước tiêu thụ hàng tháng, được xác định theo chỉ số đồng hồ đo được của các khách hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.13. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.14. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, và điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong năm của trái phiếu chuyển đổi (nếu có) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình họ.

3.16. Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất cung cấp nước sạch, quản lý thoát nước, sản xuất và kinh doanh nước uống đóng chai, thi công công trình giao thông, tư vấn thiết kế, chăm sóc công viên cây xanh, duy tu bảo dưỡng đường đô thị, vệ sinh môi trường và công trình đô thị chủ yếu trên địa bàn tỉnh Long An. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	68.502.733	22.462.214
Tiền gửi ngân hàng	7.881.263.322	11.419.613.892
Các khoản tương đương tiền (*)	4.149.385.593	9.105.338.110
TỔNG CỘNG	12.099.151.648	20.547.414.216

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất tiền gửi có thể áp dụng. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này sẽ được tự động gia hạn nếu Công ty không yêu cầu tất toán tại ngày đáo hạn.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Sở Giao thông Vận tải tỉnh Long An	4.343.037.000	3.565.537.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng thị xã Kiến Tường	8.162.062.784	6.330.407.561
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Mộc Hóa	2.285.278.444	1.317.646.500
Phòng Quản lý Đô thị Thị xã Kiến Tường	3.331.205.798	2.144.951.700
Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Mộc Hóa	1.875.519.600	749.982.821
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Tân Thạnh	2.024.569.000	-
Phải thu các khách hàng khác	3.729.407.450	4.181.502.634
TỔNG CỘNG	25.751.080.076	18.290.028.216

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	127.350.000	100.034.215
Phải thu khác	375.529.478	441.724.351
TỔNG CỘNG	502.879.478	541.758.566

7. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	29.335.098	-	35.178.897	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.623.891.896	-	-	-
Hàng hóa	1.491.536.266	-	1.484.803.820	-
TỔNG CỘNG	6.144.763.260	-	1.519.982.717	-

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	37.589.630.771	9.241.519.539	43.409.216.928	153.636.364	90.394.003.602
Mua trong năm	769.803.704	1.163.828.441	1.499.811.921	-	3.433.444.066
Tặng khác (Thuyết minh số 18.1)	8.895.977.000	-	-	-	8.895.977.000
Số cuối năm	<u>47.255.411.475</u>	<u>10.405.347.980</u>	<u>44.909.028.849</u>	<u>153.636.364</u>	<u>102.723.424.668</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết	2.473.366.750	3.915.358.633	13.637.008.884	153.636.364	20.179.370.631
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	13.648.498.096	5.621.356.756	24.850.610.282	153.636.364	44.274.101.498
Khấu hao trong năm	1.418.275.031	560.927.572	2.188.883.808	-	4.168.086.411
Số cuối năm	<u>15.066.773.127</u>	<u>6.182.284.328</u>	<u>27.039.494.090</u>	<u>153.636.364</u>	<u>48.442.187.909</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	<u>23.941.132.675</u>	<u>3.620.162.783</u>	<u>18.558.606.646</u>	<u>-</u>	<u>46.119.902.104</u>
Số cuối năm	<u>32.188.638.348</u>	<u>4.223.063.652</u>	<u>17.869.534.759</u>	<u>-</u>	<u>54.281.236.759</u>

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Phần mềm máy tính			
Số đầu năm	294.700.000	169.157.318	125.542.682
Hao mòn trong năm	-	18.912.504	
Số cuối năm	<u>294.700.000</u>	<u>188.069.822</u>	<u>106.630.178</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết	143.400.000		143.400.000

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	15.444.874	-
TỔNG CỘNG	<u>15.444.874</u>	<u>-</u>
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	406.225.180	526.585.054
Giá trị lợi thế kinh doanh (*)	1.076.203.883	1.835.877.217
TỔNG CỘNG	<u>1.482.429.063</u>	<u>2.362.462.271</u>

(*) Theo Quyết định số 4268/QĐ-UBND ban hành bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Long An ngày 29 tháng 11 năm 2017 về việc phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm 31 tháng 5 năm 2016 của Công ty TNHH Một Thành viên Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường (tên trước đây của Công ty), giá trị lợi thế kinh doanh được định giá với số tiền là 7.596.733.332 VND và được phân bổ vào chi phí hàng năm trong thời gian là 10 năm.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phòng Tài chính - Kế hoạch Thị xã Kiến Tường	1.852.200.000	1.852.200.000	1.852.200.000	1.852.200.000
Ủy ban nhân dân Thị xã Kiến Tường	1.185.187.301	1.185.187.301	1.185.187.301	1.185.187.301
Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn huyện Mộc Hóa	8.295.187.000	8.295.187.000	8.545.187.000	8.545.187.000
Phải trả đối tượng khác	2.239.044.131	2.239.044.131	1.552.846.997	1.552.846.997
TỔNG CỘNG	<u>13.571.618.432</u>	<u>13.571.618.432</u>	<u>13.135.421.298</u>	<u>13.135.421.298</u>

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban Quản lý Dự án Công trình giao thông	2.086.443.000	2.920.082.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Mộc Hóa	-	500.000.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Vĩnh Hưng	448.480.000	-
Các khoản người mua trả tiền trước khác	162.326.450	232.857.004
TỔNG CỘNG	2.697.249.450	3.652.939.004

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế Giá trị gia tăng	1.209.070.140	655.358.911	(1.507.251.967)	357.177.084
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	989.330.820	2.505.564.761	(2.489.330.820)	1.005.564.761
Thuế Thu nhập cá nhân	111.033.594	226.356.144	(123.917.162)	213.472.576
Thuế Tài nguyên	63.942.400	787.519.000	(789.132.600)	62.328.800
Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	(13.649.245)	12.076.307	(12.076.307)	(13.649.245)
Các loại thuế khác	99.265.748	1.496.257.270	(1.492.044.327)	103.478.691
TỔNG CỘNG	2.458.993.457	5.683.132.393	(6.413.753.183)	1.728.372.667
Trong đó:				
Thuế phải nộp	2.472.642.702			1.742.021.912
Thuế nộp thừa (*)	13.649.245			13.649.245

(*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất kinh doanh	784.337.427	3.186.277.324
Chi phí phải trả khác	327.917.988	-
TỔNG CỘNG	1.112.255.415	3.186.277.324

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	57.199.499	175.901.826
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	322.030.970	323.761.202
Các khoản phải trả, phải nộp khác	135.630.642	148.000.000
TỔNG CỘNG	514.861.111	647.663.028
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	2.813.950.286	2.904.286.364
TỔNG CỘNG	2.813.950.286	2.904.286.364

(*) Công ty nhận khoản ký quỹ từ các khách hàng yêu cầu lắp đặt hệ thống cấp nước sinh hoạt trong trường hợp khách hàng chưa sử dụng dịch vụ ổn định. Sau thời gian 05 năm, nếu khách hàng tiếp tục sử dụng dịch vụ cung cấp nước sạch, công ty sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền ký quỹ này.

16. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng chi phí bảo hành	562.270.834	-
TỔNG CỘNG	562.270.834	-

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng là được Ban Tổng Giám đốc trích lập cho từng công trình, hạng mục công trình hoàn thành, bàn giao trong kỳ cho thời hạn bảo hành 12 tháng. Hết thời hạn bảo hành công trình xây dựng, số dự phòng bảo hành công trình chưa sử dụng hết được hoàn nhập ghi vào thu nhập khác.

17. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của Quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	216.012.947	1.525.974.930
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 18.1)	1.995.738.859	2.199.777.417
Sử dụng trong năm	(2.183.183.000)	(3.509.739.400)
Số cuối năm	28.568.806	216.012.947

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	38.000.000.000	-	13.961.168.646	5.551.491.402	57.512.660.048
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	10.998.887.088	10.998.887.088
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	-	2.199.777.418	(4.399.554.835)	(2.199.777.417)
Cổ tức công bố	-	-	-	(5.551.491.402)	(5.551.491.402)
Số cuối năm	<u>38.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>16.160.946.064</u>	<u>6.599.332.253</u>	<u>60.760.278.317</u>
Năm nay					
Số đầu năm	38.000.000.000	-	16.160.946.064	6.599.332.253	60.760.278.317
Tăng vốn trong năm (*)	-	8.895.977.000	-	-	8.895.977.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	9.978.694.295	9.978.694.295
Tạm trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	-	1.995.738.859	(3.991.477.718)	(1.995.738.859)
Cổ tức công bố (**)	-	-	-	(5.557.058.338)	(5.557.058.338)
Số cuối năm	<u>38.000.000.000</u>	<u>8.895.977.000</u>	<u>18.156.684.923</u>	<u>7.029.490.492</u>	<u>72.082.152.415</u>

(*) Tăng vốn trong năm do nhận tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn công trình Trạm Trung chuyển xã Tân Lập - huyện Mộc Hóa theo Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An với giá trị công trình là 8.895.977.000 VND (Thuyết minh số 8).

(**) Việc chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 được thực hiện theo Nghị quyết số 90/NQ-CT ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

18.2. Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn cổ phần (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Ủy ban nhân dân tỉnh Long An	33.525.000.000	88,22%	33.525.000.000	88,22%
Các cổ đông khác	4.475.000.000	11,78%	4.475.000.000	11,78%
TỔNG CỘNG	38.000.000.000	100,00%	38.000.000.000	100,00%

18.3. Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm và cuối năm	38.000.000.000	38.000.000.000
Phân phối cổ tức		
Cổ tức công bố	5.557.058.338	5.551.491.402
Cổ tức đã trả	5.557.058.338	5.551.491.402

18.4. Cổ phiếu

	Cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.800.000	3.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đủ	3.800.000	3.800.000
Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.800.000	3.800.000
Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000

Mệnh giá cổ phiếu đang được lưu hành 10.000 VND/cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ phiếu này đang được niêm yết tại sàn giao dịch UPCOM với mã giao dịch KWA.

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt	22.057.151.296	19.172.768.245
Doanh thu cung cấp dịch vụ công ích đô thị	18.176.641.097	15.701.401.422
Doanh thu thi công xây lắp	30.607.664.496	22.456.015.469
Doanh thu thi công công trình giao thông	8.444.502.371	11.739.635.994
Doanh thu dịch vụ tư vấn thiết kế	572.886.309	449.708.958
Doanh thu bán nước đóng chai	214.942.595	266.806.505
Doanh thu khác	506.858.494	836.012.973
TỔNG CỘNG	80.580.646.658	70.622.349.566

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp nước sinh hoạt	16.353.178.610	14.658.988.872
Giá vốn cung cấp dịch vụ công ích đô thị	11.703.862.815	10.839.739.703
Giá vốn thi công xây lắp	27.254.039.020	17.044.011.208
Giá vốn thi công công trình giao thông	8.213.669.874	10.483.163.737
Giá vốn dịch vụ tư vấn thiết kế	469.600.875	424.317.346
Giá vốn bán nước đóng chai	110.237.135	130.877.506
Giá vốn khác	42.272.008	114.017.982
TỔNG CỘNG	64.146.860.337	53.695.116.354

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	176.925.055	443.404.081
TỔNG CỘNG	176.925.055	443.404.081

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.287.023.272	1.848.608.070
Chi phí đồ dùng văn phòng	51.142.000	45.257.000
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	228.754.176	213.754.176
Thuế, phí và lệ phí	163.237.219	151.842.304
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.352.730.904	1.729.194.391
TỔNG CỘNG	4.082.887.571	3.988.655.941

23. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Các khoản khác	-	369.282.554
	-	369.282.554
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	(34.684.749)	-
Các khoản khác	(8.880.000)	(2.655.046)
	(43.564.749)	(2.655.046)
LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC THUẦN	(43.564.749)	366.627.508

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.260.680.747	8.827.117.055
Chi phí nhân công	18.663.398.894	18.236.085.593
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Thuyết minh số 8 và số 9)	4.186.998.915	4.143.894.058
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.896.666.589	23.825.310.135
Các chi phí khác	3.056.643.333	2.636.944.095
TỔNG CỘNG	73.064.388.478	57.669.350.936

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.484.259.056	13.748.608.860
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Các khoản phạt	34.684.749	-
Chi phí không được trừ khác	8.880.000	-
Tổng lợi nhuận chịu thuế	12.527.823.805	13.748.608.860
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.505.564.761	2.749.721.772

25.2. Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

26. CÁC GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

26.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trọng yếu với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy ban nhân dân tỉnh Long An	Cổ đông lớn
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND			
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Ủy ban nhân dân tỉnh Long An	Chi trả cổ tức	4.902.641.600	4.897.730.243

CÁC GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

26.2. Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

VND

Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		1.916.047.020	1.549.260.204
Ông Chung Văn Minh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	552.807.000	496.617.000
Bà Phan Thị Diệu Hiền	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	466.308.688	428.859.301
Bà Nguyễn Vũ Duy Hạnh	Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc	307.353.957	256.659.301
Ông Đỗ Hữu Nhã	Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc	364.388.688	320.859.301
Ông Lê Ngọc Châu	Thành viên	225.188.687	46.265.301
Ban Kiểm soát		385.978.967	323.765.116
Bà Ngô Kim Thanh Lan Trình	Trưởng ban kiểm soát	194.347.484	167.719.308
Bà Tăng Thị Thu Nhân	Thành viên	191.631.483	156.045.808
TỔNG CỘNG		2.302.025.987	1.873.025.320

(*) Thu nhập bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác được hưởng.

27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế (VND) (*)	9.978.694.295	10.998.887.088
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(1.995.738.859)	(2.199.777.417)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	7.982.955.436	8.799.109.671
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	3.800.000	3.800.000
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
Lãi cơ bản	2.101	2.316
Lãi suy giảm	2.101	2.316

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2023 để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 90/NQ-CT ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2024 được điều chỉnh giảm cho khoản tạm tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024.

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được mang sang từ báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

Trong năm, Công ty đã điều chỉnh lại một số khoản mục trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Biên bản kiểm toán số 01/BBKT-DN ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Kiểm toán Nhà nước về việc kiểm toán ngân sách địa phương và báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2023 của tỉnh Long An tại Công ty. Chi tiết các điều chỉnh như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu			Số đầu năm (Theo báo cáo trước đây)	Điều chỉnh	VND
	Mã số				Số đầu năm (Trình bày lại)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	[1]	131	17.918.028.216	372.000.000	18.290.028.216
Phải thu ngắn hạn khác	[5]	136	673.170.257	(131.411.691)	541.758.566
Chi phí trả trước dài hạn	[2]	261	526.585.054	1.835.877.217	2.362.462.271
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	[4]	313	2.001.888.677	470.754.025	2.472.642.702
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	[5]	322	-	216.012.947	216.012.947
Quỹ đầu tư phát triển	[5]	418	15.813.521.425	347.424.639	16.160.946.064
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	[5]	421b	5.557.058.338	1.042.273.915	6.599.332.253

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu			Năm trước (Theo báo cáo trước đây)	Điều chỉnh	VND
	Mã số				Năm nay (Trình bày lại)
Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	[2]	11	55.530.993.571	(1.835.877.217)	53.695.116.354
Thu nhập khác	[1]	31	31.100.735	338.181.819	369.282.554
Chi phí khác	[3]	32	-	2.655.046	2.655.046
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	[4]	51	2.315.440.974	434.280.798	2.749.721.772
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	[5]	60	9.261.763.896	1.737.123.192	10.998.887.088

- [1] Điều chỉnh tăng thu nhập khác và khoản phải thu dịch vụ quản lý nghĩa trang theo thông báo số 598/TB-PTCKH ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Mộc Hóa số tiền là 372.000.000 VND, đã bao gồm thuế Giá trị Gia tăng là 33.818.181 VND.
- [2] Điều chỉnh giảm Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp số tiền 1.835.877.217 VND do giảm chi phí phân bổ lợi thế kinh doanh phù hợp với nguyên tắc nhất quán theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- [3] Điều chỉnh tăng chi phí khác và tăng thuế Giá trị Gia tăng phải nộp số tiền 2.655.046 VND do kê khai giảm thuế suất 2% thuế Giá trị Gia tăng.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

- [4] Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng 470.754.025 VND do Công ty tính lại thuế TNDN bổ sung do điều chỉnh các nội dung số [1], số [2] và số [3] (tăng lợi nhuận kế toán trước thuế số tiền 2.171.403.990 VND và tăng thuế thu nhập doanh nghiệp số tiền 434.280.798 VND), và ảnh hưởng điều chỉnh thuế Giá trị Gia tăng tại nội dung số [1] và [3].
- [5] Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp tăng do các kết quả điều chỉnh nêu trên là 1.737.123.192 VND. Công ty thực hiện trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ Đầu tư phát triển với số tiền lần lượt là 216.012.947 VND và 347.424.639 VND, đồng thời điều chỉnh giảm phải thu khác do chi vượt Quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền 131.411.691 VND, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại là 1.042.273.915 VND.


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	VND		
		Năm trước (Theo báo cáo trước đây)	Điều chỉnh	Năm nay (Trình bày lại)
Lợi nhuận trước thuế	01	11.577.204.870	2.171.403.990	13.748.608.860
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	2.136.133.952	(206.770.128)	1.929.363.824
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	5.314.598.711	2.655.046	5.317.253.757
Giảm chi phí trả trước	12	2.503.159.809	(1.835.877.217)	667.282.592
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.378.327.709)	(131.411.691)	(3.509.739.400)

Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được điều chỉnh nên các chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cũng được điều chỉnh lại tương ứng.

29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.



Nguyễn Vũ Văn Anh
 Kế toán trưởng - Người lập biểu



Phan Thị Diệu Hiền
 Tổng Giám đốc

Long An, ngày 19 tháng 3 năm 2025